

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/KDTM-PT
Ngày 06-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác
kinh doanh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Đặng Hồ Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 414/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 505/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn XMĐA; địa chỉ trụ sở: Số 8/94 đường L, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 2/2/71 ĐK, phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA; địa chỉ trụ sở: Số 71 đường TNH, phường TNH, quận LC, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Phạm Thu Tr, chức vụ: Giám đốc Công ty; có mặt.

2. Ông Trần V N, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 2/138 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 03 năm 2016); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Nguyễn T N và bà Nguyễn Thị H - đều là Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nguyễn T N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 456 đường NVL, quận LC, thành phố Hải Phòng; bà N có mặt, bà H vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Từ tháng 10/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn XMĐA (viết tắt là Công ty ĐA) và Công ty trách nhiệm hữu hạn TA (viết tắt là Công ty TA) đã hợp tác đầu tư kinh doanh về lĩnh vực Game, Cafe, Bi.A, dịch vụ ăn uống bổ trợ khác. Sau khi nhận vốn góp của Công ty ĐA, Công ty TA triển khai sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc kinh doanh. Đến ngày 27/12/2014 hai Công ty mới thống nhất ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh và việc kinh doanh (viết tắt là Hợp đồng ngày 27/12/2014) đi vào hoạt động. Tổng mức vốn đầu tư hợp tác kinh doanh của hai Công ty là 2.500.000.000 (*hai tỷ hai trăm năm mươi triệu*) đồng, với tỷ lệ góp vốn như sau: Công ty ĐA góp 30% tương đương với 750.000.000 đồng (trong đó có: 600.000.000 đồng tiền mặt và 01 quý tiền thuê nhà là 150.000.000 đồng); Công ty TA góp 70% tương đương với 1.750.000.000 đồng. Địa điểm kinh doanh tại địa chỉ: Số 75 đường LKT, phường LKT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; toàn bộ mặt bằng, địa điểm kinh doanh là của Công ty ĐA trực tiếp thuê lại của Công ty Cổ phần DVĐSHP (viết tắt là GHP) theo Hợp đồng số 52/HĐTVP thời hạn từ ngày 01/10/2012 đến ngày 01/10/2017.

Quan điểm của nguyên đơn Công ty ĐA:

Công ty ĐA đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng các điều, khoản hợp đồng đã ký kết. Theo Điều 2 của hợp đồng hai công ty thống nhất cùng nhau thành lập Ban quản trị dự án để trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh nhưng công ty TA tự ý quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Phía Công ty ĐA đã nhiều lần yêu cầu thành lập ban quản trị có sự tham gia nhân sự của cả hai Công ty nhưng Công ty TA không thành lập. Do những người có thẩm quyền của hai Công ty là chỗ quen biết, làm ăn trên cơ sở tình cảm nên không lập thành văn bản cụ thể. Từ đó toàn bộ việc đầu tư, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị để hoạt động kinh doanh cũng như quản lý điều hành, thu chi hàng ngày của việc kinh doanh đều do Công ty TA đưa người nhà vào làm việc và tự ý thực hiện không có sự bàn bạc trao đổi với Công ty ĐA.

Sau 06 tháng kinh doanh thì Công ty TA mới gửi cho Công ty ĐA Bảng thống kê chi tiết các khoản thu, chi, đầu tư vào dự án và kết quả kinh doanh 06 tháng, đồng thời tạm ứng cho Công ty ĐA số tiền 406.800.000đồng. Qua kiểm tra, xem xét Công ty ĐA thấy Công ty TA không bóc tách, không xuất trình được các chứng từ, hóa đơn, phần mềm kế toán, theo quy định và tiêu chuẩn thông lệ kế toán Việt Nam, không rõ ràng tên các loại hàng hóa nên Công ty ĐA không chấp nhận và đã gặp Công ty TA yêu cầu cho kiểm tra phần mềm kế toán, đề nghị giải trình cụ thể các số liệu nhưng Công ty TA từ chối với lý do phần mềm kế toán bị hỏng. Từ những lý do trên hai bên xảy ra mâu thuẫn và không thể hòa giải, đàm phán khắc phục sai sót cũng như thực hiện các quyền và nghĩa vụ như quy định trong Hợp đồng. Đã có lần hai bên xảy ra việc xô sát, Công an phường LKT đến giải quyết hòa giải nhưng không lập biên bản, sau đó Công ty TA vẫn điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Cũng từ thời gian đó, Công ty TA mới gửi mail thông báo cho Công ty ĐA về doanh thu hàng ngày nhưng Công ty ĐA cũng không thể tính toán được chính xác kết quả lỗ, lãi của quá trình kinh doanh và vẫn không công nhận cách làm việc của Công ty TA vì đã ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi phân chia lợi nhuận cũng như mục đích ký kết của Hợp đồng hợp tác của Công ty ĐA.

Do không còn tin tưởng để hợp tác kinh doanh với Công ty TA được nữa nên Công ty ĐA đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận LC. Tại Tòa án, Công ty TA đưa ra các quan điểm để khắc phục như giao lại quyền quản lý điều hành việc kinh doanh cho Công ty ĐA, Công ty ĐA không chấp nhận do Công ty ĐA không có quyền kinh doanh trong lĩnh vực này theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh với Nhà nước.

Vì những lý do trên, Công ty ĐA đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau đối với Công ty Tranh Anh:

Công ty ĐA được chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014; Công ty Tranh Anh trả lại mặt bằng kinh doanh tại số 75 đường LKT, phường LKT, quận NQ, thành phố Hải Phòng cho Công ty ĐA và phải thanh toán giá trị đầu tư còn lại, chia lợi nhuận trung bình hàng tháng của kết quả kinh doanh sau khi trừ các chi phí tính bằng 210.000.000đồng/01tháng (số lợi nhuận này là do tài liệu kết quả kinh doanh tháng 5, 6, 7/2015, Công ty TA gửi cho Công ty ĐA mà Công ty ĐA cho rằng hợp lý) theo tỷ lệ như thống nhất trong Hợp đồng kể từ thời điểm ký kết cho đến khi chấm dứt Hợp đồng.

Quan điểm của bị đơn Công ty TA:

Công ty TA không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐA vì yêu cầu khởi kiện chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn là không có căn cứ Pháp luật. Tại điểm c khoản 2 Điều 7 Hợp đồng ngày 27/12/2014 quy định: Một bên vi phạm nghiêm trọng bất cứ điều, khoản nào của Hợp đồng này và không thực hiện các

biện pháp thích hợp để khắc phục vi phạm đó trong một khoảng thời gian hợp lý như được yêu cầu bởi bên không vi phạm; trong trường hợp này bên không vi phạm có quyền đơn phương quyết định chấm dứt Hợp đồng. Trong suốt quá trình làm việc với nguyên đơn tại Tòa án, đại diện bị đơn chưa thấy phía nguyên đơn chỉ ra bị đơn đã vi phạm điều, khoản nào của Hợp đồng một cách xác đáng. Ba căn cứ theo Điều 2, 4, 7 của Hợp đồng ngày 27/12/2014 mà nguyên đơn nêu ra bị đơn vi phạm Hợp đồng đều không đúng chưa kể thời hạn mà nguyên đơn đưa yêu cầu đó ra trong một khoảng thời gian hợp lý để khắc phục. Các căn cứ của đại diện nguyên đơn đưa ra chung chung, không có căn cứ, không chỉ ra được Công ty TA vi phạm điều, khoản nào trong Hợp đồng, nghiêm trọng hay chưa? Đã được nhắc nhở và yêu cầu khắc phục trong khoảng thời gian hợp lý hay chưa? Mặt khác theo Điều 1 của Hợp đồng ngày 27/12/2014 thì Công ty TA có toàn quyền trong việc điều hành quản lý mọi hoạt động kinh doanh còn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng ngày 27/12/2014 là do lỗi khi soạn thảo Hợp đồng của cả hai bên, đáng lẽ không cần phải có Điều 2 vì đã có Điều 1 quy định về việc điều hành quản lý việc kinh doanh rồi thì không cần có Điều 2 quy định về thành lập ban quản lý điều hành dự án nữa và đến thời điểm này Công ty TA chưa nhận được đề nghị của Công ty ĐA cần đưa bao nhiêu người vào ban quản lý cũng như khuyến cáo cần khắc phục vi phạm của Công ty ĐA.

Về vấn đề phân chia lợi nhuận phải căn cứ vào kết quả hoạt động, kinh doanh của từng tháng không thể căn cứ vào ước lượng một cách chung chung. Số tiền 406.800.000đồng, Công ty TA chuyển cho Công ty ĐA mới chỉ là số tiền tạm thời phân chia lợi nhuận của những tháng đầu, còn cụ thể mỗi tháng lợi nhuận được chia bao nhiêu thì phải phụ thuộc vào Báo cáo tài chính kinh doanh. Việc kết luận một tổ chức kinh tế có vi phạm chế độ hạch toán, kế toán hay không phải do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, không thể nói tùy tiện; ngoài ra người khởi kiện cũng không đưa ra được các tài liệu gì để chứng minh. Lý do tại sao đến thời điểm này Công ty TA chưa cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh Công ty TA không vi phạm Hợp đồng như ý kiến của Công ty ĐA nêu ra là vì Công ty ĐA là người đi kiện, khi nào chỉ ra được Công ty TA vi phạm cái gì thì Công ty TA mới chứng minh còn nêu chung chung thì Công ty TA sẽ không cần phải chứng minh. Mặt khác theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng ngày 27/12/2014 quy định: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải...đây chính là điều kiện khởi kiện của các bên tham gia Hợp đồng nhưng Công ty ĐA bỏ qua điều kiện này mà đã nộp Đơn khởi kiện cho Tòa án. Tòa án thụ lý vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Tòa án nhân dân quận LC trả lại Đơn kiện vì chưa đủ điều kiện khởi kiện cho Công ty ĐA. Với những lý do trên, Công ty TA không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TA. Đồng thời để khắc phục những mâu thuẫn của hai bên,

Công ty TA đưa ra 03 quan điểm như sau: Một là, Công ty TA giao lại cho Công ty ĐA toàn quyền quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; hai là, nếu Công ty ĐA nghi ngờ Công ty TA vi phạm về tài chính thì đề nghị yêu cầu kiểm toán xem có vi phạm không; ba là, Công ty TA đồng ý bán hoặc mua lại phần vốn góp của Dự án trên.

Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng đã áp dụng các Điều 424, 425 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn XMĐA. Hủy Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA và Công ty trách nhiệm hữu hạn XMĐA.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA phải trả lại mặt bằng tại địa chỉ: Số 75 LKT, phường LKT, quận NQ, thành phố Hải Phòng và thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn XMĐA toàn bộ giá trị đầu tư còn lại là 408.046.000đồng và số tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh của 25 tháng (từ tháng 01/2015 đến tháng 2/2017) sau khi đã trừ các chi phí là 1.575.000.000đồng; tổng cộng là 1.983.046.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2017 Công ty TA kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm với nội dung:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục nhận đơn và thụ lý vụ án khi chưa đủ điều kiện khởi kiện; bỏ không định giá một phần tài sản, định giá thiếu tài sản. Về nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã viện dẫn và áp dụng pháp luật về xử lý chấm dứt Hợp đồng không đúng; nhận định Công ty TA vi phạm Điều 2, 4 của Hợp đồng ngày 27/12/2014 là không đúng pháp luật và không có căn cứ; xử lý hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty TA.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thực tế khoản tiền góp vốn là 850.000.000đồng, trong đó 700.000.000đồng tiền mặt và 150.000.000 đồng một quý thuê nhà (100.000.000 đồng ngoài không ghi vào Hợp đồng do đưa sau cho Công ty TA nhưng không có hóa đơn chứng từ). Trong hợp đồng góp vốn chỉ thể hiện Công ty ĐA góp vốn 750.000.000đồng là thiếu. Trong quá trình giải quyết tại

cấp phúc thẩm Công ty ĐA yêu cầu Công ty TA phải trả 100.000.000 đồng này, nhưng tại phiên tòa Công ty ĐA không yêu cầu nữa.

Ngày 01/10/2017, Hợp đồng số 52/HĐTVP thời hạn từ ngày 01/10/2012 đến ngày 01/10/2017 về việc thuê địa điểm kinh doanh tại số 75 đường LKT, quận NQ, thành phố Hải Phòng giữa Công ty ĐA và GHP đã hết thời hạn. Do Công ty ĐA và Công ty TA có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong hợp tác kinh doanh nên GHP không ký lại hợp đồng với Công ty ĐA và ngày 08/9/2017, ngày 18/10/2017 đã thông báo phải bàn giao trả lại mặt bằng địa điểm kinh doanh tại số 75 đường LKT, sau đó ngày 20/9/2017 và ngày 20/10/2017 Công ty ĐA đã thông báo cho Công ty TA về việc phải bàn giao lại mặt bằng. Công ty TA đã biết và đã có Công văn số 10/CV/2017 ngày 14/10/2017 và Công văn 25/CV/2017 ngày 13/11/2017 thể hiện Công ty TA nhất trí bàn giao mặt bằng nhưng phải chờ khi Tòa án giải quyết xong. Do đến ngày phải bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần DVĐSHPNên Công ty ĐA đã phải tự di dời toàn bộ máy móc, thiết bị, đồ dùng...tại địa điểm kinh doanh 75 đường LKT về kho của Công ty ĐA, sau đó đã bán thanh lý được khoảng hơn 400.000.000đồng; toàn bộ tài sản này Công ty ĐA đồng ý trả cho Công ty TA theo tỷ lệ phần trăm góp vốn là 70% theo giá trị định giá tại tòa án cấp sơ thẩm và trả cả 70% phần tài sản Công ty TA yêu cầu định giá bổ sung tại cấp phúc thẩm.

Do số liệu Công ty Tranh Anh cung cấp cho Công ty ĐA không rõ ràng, thiếu nên Công ty ĐA đã phải thuê kiểm toán để tính toán. Theo Báo cáo Kiểm soát nội bộ ngày 04/7/2017 của Công ty ĐA thuê Công ty Cổ phần M.A.T Việt Nam kiểm soát, dựa trên số liệu Công ty TA cung cấp cho Công ty ĐA, thể hiện số tiền lợi nhuận từ tháng 12/2014 đến 30/4/2017 có tổng doanh thu là 5.310.195.470đồng; phân chia theo tỷ lệ góp vốn thì Công ty TA được 3.717.136.829đồng, Công ty ĐA được 1.593.058.614đồng. Công ty ĐA chỉ yêu cầu Công ty TA phải chia tiền lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn từ tháng 12/2014 đến hết tháng 4/2017, còn Công ty TA phải tự trả tiền thuê mặt bằng và tiền điện, nước cũng như tất cả các chi phí phát sinh khác đến hết tháng 9/2017.

Công ty ĐA đã phải trả thay Công ty TA 01 quý (quý III năm 2017) tiền thuê nhà cho GHP là 165.000.000đồng, ngoài ra hai bên thỏa thuận mỗi tháng chi ngoài thêm cho GHP 10.000.000 đồng, Công ty ĐA đã trả khoản tiền này cho GHP tổng là 22 tháng x 10.000.000 đồng/01 tháng = 220.000.000đồng, số tiền này Công ty TA phải trả cho Công ty ĐA sau khi tính toán đối trừ cùng tiền lợi nhuận và trang thiết bị.

- *Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày:* Bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc hai Công ty thống nhất chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 kể từ ngày 01/10/2017, thời gian phân chia lợi nhuận và các khoản Công ty TA phải tự

chi trả từ tháng 5/2017 đến hết tháng 9/2017; cách thức phân chia máy móc, thiết bị, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ kinh doanh. Do hai Công ty thỏa thuận được với nhau về việc chấm dứt hợp đồng nên tại phiên tòa Công ty TA thay đổi, rút một phần nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo phần phân chia lợi nhuận. Công ty TA đề nghị Tòa án tính toán lại, cụ thể: Khoản tiền 100.000.000đồng nguyên đơn nói là khoản tiền góp vốn ngoài khoản tiền 750.000.000đồng là không có căn cứ vì không được thể hiện qua hóa đơn chứng từ khi hai bên hợp tác kinh doanh, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu nữa nhưng nếu có yêu cầu bị đơn cũng không chấp nhận. Theo Báo cáo Kiểm soát nội bộ ngày 04/7/2017 của Công ty ĐA thuê Công ty Cổ phần M.A.T Việt Nam kiểm soát của Công ty ĐA cung cấp bị đơn không đồng ý vì trong thời hạn hợp tác kinh doanh bị đơn trả khoản tiền lương cho nhân viên năm 2015, 2016 là thực tế, có bảng lương và nhân viên ký nhận lương nhưng trong báo cáo kiểm toán không chấp nhận đủ, ví dụ: Năm 2016 số tiền lương thực tế Công ty TA đã chi là 1.221.845.000đồng nhưng số liệu kiểm toán chỉ chấp nhận 388.047.631đồng, vì vậy thiếu so với thực tế là 823.797.369đồng; tiền mua thẻ nạp máy game chi 2.210.200.000đồng nhưng số liệu kiểm toán của Công ty ĐA chỉ chấp nhận 1.672.000.000đồng, dẫn đến chênh lệch thiếu so với thực tế là 538.200.000đồng; ngoài ra còn các khoản chi khác như tiền ăn ca cho nhân viên năm 2016, 2017... không được chấp nhận dẫn đến toàn bộ thiệt hại từ tháng 12/2014 đến 30/4/2017 là 2.628.648369đồng, theo đơn đề nghị ngày 05/6/2018 Công Ty TA đã nộp tại phiên tòa. Công ty TA chấp nhận khoản tiền 220.000.000đồng là tiền hàng tháng hai công ty thanh toán thêm cho GHP, số tiền này chia đôi mỗi bên chịu 110.000.000đồng, đề nghị bù trừ khoản tiền này vào khoản tiền lương trả cho nhân viên và không bên nào phải thanh toán cho bên nào.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo:

Xét Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 giữa Công ty ĐA với Công ty TA: Về thẩm quyền ký kết hợp đồng và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức nên buộc các bên phải thực hiện. Do không thành lập ban quản trị theo Điều 2 của hợp đồng và sau 06 tháng kinh doanh thì Công ty TA mới gửi cho Công ty ĐA Bảng thống kê chi tiết các khoản thu, chi, đầu tư vào dự án và kết quả kinh doanh 06 tháng, đồng thời tạm ứng cho Công ty ĐA số tiền 406.800.000đồng. Từ đó hai bên mâu thuẫn có lần dẫn đến xô xát, dẫn đến ngừng kinh doanh. Không thể tự giải quyết mâu thuẫn nên công ty ĐA khởi kiện ra Tòa án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hai Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014, lợi nhuận hai bên đã thống nhất và theo Báo cáo tài chính của Công ty ĐA. Về trụ sở kinh doanh: Đã được bàn giao trả GHP, Công ty ĐA cung cấp cho Tòa án hóa đơn thanh toán 01 quý tiền nhà từ tháng 6/2017 đến tháng 9/2017 là 165.000.000đồng. Như vậy khoản tiền thuê nhà Công ty TA vẫn phải chịu như đã thỏa thuận với Công ty ĐA vì thế khoản tiền thuê nhà mà Công ty ĐA yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Đối với khoản tiền Công ty ĐA yêu cầu là 100.000.000đồng tiền góp vốn ngoài hợp đồng. Khoản tiền này phía Công ty ĐA không đưa ra được căn cứ chứng minh đã đưa khoản tiền này cho Công ty TA để dùng vào việc kinh doanh chung và phía Công ty TA khẳng định Công ty ĐA chỉ góp vốn như trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ngoài ra không còn một khoản tiền nào khác.

Đối với khoản tiền 220.000.000đồng Công ty ĐA cho rằng là tiền thỏa thuận của hai bên chi thêm cho GHP mỗi tháng 10.000.000đồng. Công ty TA khẳng định hai bên có thỏa thuận này. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TA cung cấp việc phải trả tiền lương cho nhân viên và mua thẻ game đối với hoạt động kinh doanh chung nhưng chưa đưa vào báo cáo, Công ty Tranh Anh chấp nhận đối trừ toàn bộ khoản tiền trên theo tính toán của Tòa án. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Công ty ĐA.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Công ty TA có mời luật sư Nguyễn Thị H và Luật sư Nguyễn T N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Phiên tòa được mở lần thứ 2, Luật sư H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có ủy quyền cho Luật sư N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo do hai bên đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng 27/12/2014, bị đơn rút một phần chỉ yêu cầu tòa án giải quyết phần phân chia lợi nhuận sau khi chấm dứt hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

- Về nội dung:

[4] Xét Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 giữa Công ty ĐA và Công ty TA: Về thẩm quyền ký kết hợp đồng và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức nên buộc các bên phải thực hiện.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 từ ngày 01/10/2017, chỉ phân chia lợi nhuận kinh doanh từ tháng 12/2014 đến hết tháng 4/2017, phân chia số tiền đầu tư thiết bị kinh doanh và sửa chữa trụ sở theo kết quả định giá tại cấp sơ thẩm và số tiền đầu tư sửa chữa, mua vật dụng vào trụ sở kinh doanh theo giá bị đơn đưa ra; trụ sở kinh doanh đã được bàn giao trả lại cho GHP nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy thỏa thuận này của Công ty ĐA và Công ty TA là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật, cần được chấp nhận và không phải xét lỗi của các bên dẫn tới việc chấm dứt Hợp đồng.

[6] Tại cấp sơ thẩm theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành định giá đối với tài sản dùng vào việc kinh doanh chung và kết quả định giá tổng giá trị tài sản định giá là 1.360.155.050đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi năm nghìn không trăm năm mươi đồng) bao gồm thiết bị vi tính và ghế game; bàn bi-a, lắp đặt điều hòa không khí, camera, quầy bar và biển quảng cáo, thiết bị bếp và pha chế.

[7] Riêng về danh mục chi phí thi công xây dựng nguyên vật liệu do các bên không cung cấp được tài liệu nên Hội đồng định giá không thể định giá. Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành thẩm định giá đối với giá trị cải tạo sửa chữa địa điểm kinh doanh tại thời điểm cuối năm 2014 và kết quả thẩm định giá tổng giá trị hạng mục cải tạo (phần xây dựng) là 51.157.645đồng (tiền vật liệu) + 41.837.760đồng (tiền nhân công) + 1.863.420đồng (tiền máy thi công) = 94.859.000đồng. Chứng thư thẩm định giá này các bên chấp nhận và không có ý kiến gì. Phần vật tư, thiết bị còn lại không định giá được do Công ty TA không cung cấp đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ và năm sản xuất. Nhưng Công ty ĐA chấp nhận tính toán trả Công ty TA theo tỷ lệ góp vốn đối với số tiền 399.204.000đồng sửa chữa trụ sở kinh doanh.

[8] Tính theo mục [6] + [7] tổng số tiền đầu tư cho việc kinh doanh của hai Công ty là: 1.360.155.050đồng + 399.204.000đồng; chia theo tỷ lệ góp vốn thì Công ty Tranh Anh được 70% = 1.231.551.335đồng; Công ty ĐA 30% = 527.807.715đồng. Số tài sản này Công ty ĐA đã dùng hết và đồng ý trả theo tỷ lệ % góp vốn cho Công ty TA. Vì vậy, Công ty ĐA phải trả cho Công ty Tranh Anh số tiền 1.231.551.335đồng.

[9] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ hai bên đương sự cung cấp và theo Báo cáo Kiểm soát nội bộ ngày 04/7/2017 của Công ty ĐA (thuê Công ty Cổ phần M.A.T Việt Nam kiểm soát) tính toán dựa trên số liệu Công ty TA cung cấp cho Công ty ĐA. Qua đối chiếu cơ bản phù hợp với số liệu Công ty TA cung cấp, mặt khác việc Công ty ĐA thuê kiểm toán cũng do đề nghị của Công ty Tranh Anh. Hội đồng xét xử xét thấy Báo cáo kiểm toán này có thể dùng làm căn cứ tính toán phân chia lợi nhuận cho các bên cùng các tài liệu khác do các đương sự cung cấp.

[10] Báo cáo kiểm toán thể hiện số tiền lợi nhuận từ tháng 12/2014 đến 30/4/2017 có Tổng doanh thu lợi nhuận là 5.310.195.470đồng; chia theo tỷ lệ góp vốn Công ty TA được 3.717.136.829đồng, Công ty ĐA được 1.593.058.614đồng. Nhưng vẫn có khoản chưa khớp như: Tiền trả lương cho nhân viên năm 2015 Công ty TA phải chi trả là: 970.985.000đồng + lương bảo vệ 156.835.000đồng, đã được ban kiểm soát chấp nhận. Và tính lợi nhuận cả năm 2015 là 2.407.981.461đồng. Nhưng tiền trả lương cho nhân viên năm 2016, Công ty TA phải chi trả là 929.985.000đồng + lương bảo vệ 177.960.000đồng thì ban kiểm soát chỉ chấp nhận tổng cả hai khoản lương là 388.047.631đồng. Và tính lợi nhuận cả năm 2016 là 2.619.676.665đồng. Việc tính toán cắt giảm tiền lương của năm 2016 so với năm 2015 và doanh thu vẫn tương đương, như vậy là không phù hợp. Theo tính toán trên đã gây thiệt hại cho hai Công ty, mà Công ty TA bị thiệt hại nhiều hơn. Phần thiệt hại này phải đối trừ và chia cho hai bên theo tỷ lệ: Lương 2016: 929.985.000đồng + lương bảo vệ 177.960.000đồng = 1.107.855.000đồng - 388.047.631đồng (được kiểm toán chấp nhận) = 719.807.369đồng. Số tiền này được trừ đi số tiền phải chi trả cho GHP còn thiếu (hai bên thỏa thuận) là 220.000.000 đồng = 499.807.369 đồng. Nếu tính theo tỉ lệ Công ty ĐA phải chịu 30% = 149.924.211 đồng và Công ty TA phải chịu 70% = 349.865.158 đồng. Nhưng do một phần lỗi của Công ty TA không cung cấp tài liệu sớm, cung cấp không đầy đủ nên Công ty ĐA đã phải thuê kiểm toán, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chỉ buộc Công ty ĐA phải chịu chung thiệt hại với Công ty TA số tiền 100.000.000đồng. Còn số tiền chênh lệch do mua thẻ Game và các khoản khác không có hóa đơn, chứng từ đối chiếu nên không chấp nhận.

[11] Từ ngày 01/5/2017, do hai bên đang xảy ra tranh chấp, không còn sự hợp tác, không đầu tư vào thiết bị kinh doanh và cơ sở vật chất nên doanh thu giảm. Hội đồng xét xử xét thấy không buộc bên Công ty TA phải tính toán chia lợi

nhuận nhưng phải trả toàn bộ tiền thuê địa điểm kinh doanh và các chi phí liên quan khác như hai bên đã thỏa thuận.

[12] Công ty ĐA đã trả thay Công ty TA 165.000.000đồng, khoản tiền thuê nhà Công ty TA phải chịu như đã thỏa thuận với Công ty ĐA vì thế khoản tiền thuê nhà mà Công ty ĐA yêu cầu là có cơ sở, được chấp nhận.

[13] Đối với khoản tiền Công ty ĐA yêu cầu là 100.000.000đồng tiền góp vốn ngoài hợp đồng. Khoản tiền này phía Công ty ĐA không đưa ra được căn cứ chứng minh đã đưa khoản tiền này cho Công ty TA để dùng vào việc kinh doanh chung và phía Công ty TA khẳng định Công ty ĐA chỉ góp vốn như trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngoài ra không còn một khoản tiền nào khác, nên không có căn cứ chấp nhận.

[14] Như vậy sau khi tính toán: Công ty TA phải trả cho Công ty ĐA số tiền sau: 1.593.058.641đồng - 406.800.000đồng (tiền Công ty ĐA ứng lần 1) + 100.000.000đồng (thiệt hại) + 165.000.000đồng (tiền nhà quý 3/2017) = 1.251.258.641đồng; Công ty ĐA phải trả cho Công ty TA số tiền 1.231.551.335đồng (thiết bị và đầu tư trụ sở kinh doanh).

[15] Từ những phân tích trên thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty TA, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[16] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu án phí theo định của pháp luật.

[17] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên bị đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 297, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/01/2009; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thể thao và Giải trí TA, sửa bản án sơ thẩm.

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn XMĐA và Công ty trách nhiệm hữu hạn TA được chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 27/12/2014 từ ngày 01/10/2017.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thể thao và Giải trí TA phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn XMĐA số tiền 1.251.258.641 (*Một tỷ hai trăm năm mươi một triệu hai trăm lăm mươi tám nghìn sáu trăm bốn một*) đồng.

- Công ty ĐA phải trả cho Công ty TA số tiền 1.231.551.335 (*Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu lăm trăm lăm mươi một nghìn ba trăm ba lăm*) đồng.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/ 2016 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH TA phải nộp 49.538.569 đồng (*bốn chín triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn XMĐA phải nộp 48.946.540 đồng (*bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 19.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền cho Chi cục Thi hành án dân sự quận LC, thành phố Hải Phòng ngày 25/02/2016 qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty trách nhiệm hữu hạn XMĐA còn phải nộp 29.946.540 đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi đồng*).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH TA không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH TA đã nộp 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014690 ngày 01/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận LC, thành phố Hải Phòng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận LC;
- TAND quận LC;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

